

NHÌN LẠI VIỆC NGHIÊN CỨU VỀ LÀNG VIỆT

BÙI XUÂN ĐÍNH

Làng Việt là môi trường sinh tụ chính của người Việt với đại đa số là nông dân. Làng là nơi hội tụ các mối quan hệ kinh tế - xã hội và văn hóa của người Việt. Nói một cách khác, văn hóa Việt được biểu hiện và diễn biến chính trong môi trường làng. Vì thế, “Hiểu được làng Việt là có trong tay cơ sở tối thiểu và cần thiết để tiến tới tìm hiểu xã hội người Việt nói riêng, và xã hội Việt Nam nói chung trong sức năng động lịch sử của nó..., trong các biểu hiện văn hóa của nó, cả trong những phản ứng của nó trước tình huống mà lịch sử đương đại đặt nó vào” (Nguyễn Từ Chi, 2003, tr. 226).

Với ý nghĩa khoa học quan trọng nêu trên, từ lâu, đề tài “làng Việt” được các thế hệ học giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Đến nay, đã có một lượng lớn các công trình được công bố về đề tài này, gồm các cuốn sách, các đề tài nghiên cứu các cấp, các luận án, luận văn, các bài tạp chí... (không kể các công trình dịch thuật từ nguồn tài liệu Hán Nôm), mà chưa thể có một con số thống kê đầy đủ và chính xác. Bài viết này đưa ra một vài nhận xét sơ bộ về những công trình nghiên cứu tiêu biểu nhất, tức những chuyên khảo tập trung nghiên cứu về làng dưới các góc độ khác nhau, bằng các phương pháp khác nhau, dù tiêu đề của chúng có thể đề hoặc không đề

các khái niệm “Làng xã” hay “Nông thôn”, “Nông dân”...

1. Các hướng tiếp cận

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về làng Việt được thực hiện dưới các hướng tiếp cận sau:

1.1. Tiếp cận Địa lý - Dân tộc học (hay Địa lý - Nhân văn)

Tiêu biểu cho hướng tiếp cận này là nhà Địa lý học P. Guru. Cuốn *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ* nghiên cứu tương đối toàn diện về làng Việt vùng châu thổ (và mở rộng ra cả một số vùng trung du, miền núi Bắc Bộ) vào những năm 30 của thế kỷ XX, từ môi trường sống (điều kiện tự nhiên), dân số và di dân, kinh tế và đời sống vật chất, tổ chức xã hội. Dưới góc độ Địa lý nhân văn, tác giả nhìn các khía cạnh của đời sống làng xã dưới tác động của môi trường, hay trong mối quan hệ với môi trường để đi đến kết luận, văn hóa là hệ quả của môi trường sống, môi trường nào, văn hóa của con người được thể hiện như vậy. Cuốn sách còn có điểm nổi bật là từ những hiện tượng quan sát được ở các điểm khảo sát, tác giả đưa ra những nhận xét chung, mang tính khái quát về các mặt của đời sống làng Việt; nghĩa là chỉ có các tư liệu “đơn” về từng mặt của các làng mà không có các tư liệu khảo sát sâu.

1.2. Tiếp cận Sử học

Hướng nghiên cứu này thu hút sự chú ý của số đông các nhà khoa học, vốn là “sở trường” của các nhà Sử học, thể hiện ở hai hướng nhỏ:

1.2.1. Sử học “lý thuyết”

Nghiên cứu làng dưới góc độ Sử học, song nặng về “lý thuyết”. Tiêu biểu cho hướng này là Nguyễn Hồng Phong với cuốn *Xã thôn Việt Nam*. Vận dụng lý thuyết về công xã nông thôn, tác giả đưa ra một số nhận xét chung về các đặc điểm của làng Việt trước Cách mạng Tháng Tám 1945 dưới các khía cạnh: chế độ ruộng đất thời phong kiến và Pháp thuộc, chế độ gia tộc phụ quyền, bộ máy quản lý và chế độ “đăng cấp xã thôn”, tổ chức và sinh hoạt cộng đồng, tinh thần cộng đồng làng xã. Cùng dạng tiếp cận như cuốn sách này là hai bộ sách *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử* và *Nông thôn Việt Nam thời cận đại* do Viện Sử học xuất bản những năm 1977 - 1978 và 1990 - 1991; dùng tư liệu lịch sử để đưa ra nhận xét về một số khía cạnh của làng Việt. Ở một phương diện khác, cuốn *Lệ làng phép nước* của Bùi Xuân Đỉnh (1985), Vũ Duy Mền (2010) khai thác nguồn tư liệu hương ước để phân tích nguồn gốc, vai trò và bản chất của hương ước trong đời sống làng Việt trước Cách mạng Tháng Tám 1945 cũng đi theo hướng tiếp cận này.

1.2.2. Sử học khảo nghiệm

Hướng này nghiên cứu làng dưới góc độ Sử học, kết hợp với khảo sát Dân tộc học; song các tư liệu cùng các vấn đề được xem xét chủ yếu từ góc nhìn Sử học. Các công trình tiêu biểu cho hướng này là cuốn *Làng Việt Nam, một số vấn đề kinh tế - xã hội và*

văn hóa của Phan Đại Doãn (2001); *Về một số làng buôn ở Bắc Bộ* (1994), *Một số vấn đề về làng xã Việt Nam* (2007) đều của Nguyễn Quang Ngọc; *Một làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ* (Nguyễn Hải Kế, 1999); *Tìm về làng Việt xưa* (Vũ Duy Mền, 2006) đề cập đến các làng riêng biệt hoặc cụm làng.

Từ đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX trở đi, việc nghiên cứu về làng Việt được đẩy mạnh với sự hợp tác của nhiều tổ chức nước ngoài. Có thể kể ra hai chương trình nghiên cứu lớn dưới góc độ Sử học sau đây:

- *Dự án hợp tác nghiên cứu về nông nghiệp, nông thôn và làng xã vùng châu thổ Sông Hồng* của các nhà khoa học Nhật Bản phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam & Giao lưu văn hóa thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, lấy làng Bách Cốc (xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định) làm điểm nghiên cứu chính, nên còn gọi là *Dự án Bách Cốc*. Dự án có mục đích là “nghiên cứu một cách đầy đủ nhất bức tranh về đời sống kinh tế, văn hoá, chính trị, xã hội... của làng Bách Cốc - ngôi làng cổ nhỏ bé ở vùng châu thổ sông Hồng, từ đó có thể đưa ra một cái nhìn xác thực nhất về cấu trúc mô hình làng, đơn vị dân cư hoàn chỉnh nhất, có vai trò quan trọng nhất trong đời sống xã hội của người Việt” (Wikipedia, tiếng Việt). Dự án kéo dài 14 năm (1994 - 2008), thu hút 176 nhà khoa học từ 17 trường đại học của Nhật Bản cùng nhiều nhà khoa học và các cơ quan nghiên cứu của Việt Nam. Đáng tiếc, kết quả của Dự án này không được công bố tại Việt Nam, song những thông tin từ các đồng nghiệp từng biết hoặc tham gia thì chương trình này vẫn nặng về góc độ Sử học; nghiên cứu lịch sử làng Bách Cốc từ thời Hùng Vương qua các triều

đại phong kiến Việt Nam (thông qua nguồn tư liệu là các lăng mộ, văn bia, trống đồng, sắc phong...) đến thời kỳ hợp tác hóa nông nghiệp kết thúc; tập trung nghiên cứu các khía cạnh về chế độ ruộng đất công, vai trò và bản chất của hợp tác xã nông nghiệp đối với người dân nông thôn hay vị thế chính trị - kinh tế của người nông dân (nhất là kinh tế hộ gia đình) trong thời kỳ hợp tác hóa...

- *Nghiên cứu làng xã vùng đồng bằng sông Hồng* là chương trình hợp tác giữa Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp với Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia được thực hiện trong 4 năm (1996 - 1999), lấy năm làng: Ninh Hiệp (huyện Gia Lâm), Tả Thanh Oai (huyện Thanh Trì), Mông Phụ (thị xã Sơn Tây), nay đều thuộc thành phố Hà Nội, làng Hay (huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ) và làng Mộ Trạch (huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương) để nghiên cứu làng Việt dưới các khía cạnh: không gian làng, con người và xã hội, những hoạt động kinh tế và di dân. Phần lớn kết quả nghiên cứu của Chương trình đã được công bố thành cuốn sách *Làng ở vùng châu thổ sông Hồng, vấn đề còn bỏ ngỏ*, do Philippe Papin và Olivier Tessier chủ biên, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia ấn hành (1999).

1.3. Tiếp cận Văn hóa học

Cách tiếp cận này nhìn làng Việt từ các yếu tố và các thiết chế văn hóa vật thể và phi vật thể của làng Việt. Người đầu tiên mở đường cho hướng nghiên cứu này Phan Kế Bính với tác phẩm *Việt Nam phong tục*, tập hợp các bài báo về phong tục người Việt (gồm phong tục trong gia đình, phong tục trong làng xã và phong tục xã hội). Dưới

thời Mỹ - nguy ở miền Nam trước đây, Toan Ánh với bộ *Nếp cũ* (3 tập), Nhất Thanh Vũ Văn Khiếu... là những cây bút chuyên viết về văn hóa nông thôn. Từ năm 1990 trở đi, có rất nhiều cuốn sách được biên soạn về chủ đề này.

1.4. Tiếp cận Xã hội học kết hợp với một số hướng khác

Tiếp cận Xã hội học (kết hợp với một các hướng Sử học, Văn hóa học) là một trong những thế mạnh trong nghiên cứu làng. Hướng này nhìn làng xã từ những biến đổi về kinh tế - xã hội (Houtart F và Lemerrier J, 2001; Bùi Quang Dũng và Đặng Thị Việt Phương, 2011; Tô Duy Hợp, 2000), về các giá trị văn hóa (Trần Đức Ngôn, Trần Văn Giá, Nguyễn Phương Châm, Lương Hồng Quang) của làng Việt dưới tác động của các chính sách nhà nước thời hiện đại.

Hướng tiếp cận Tâm lý học nổi bật với nhóm tác giả Phan Thị Mai Hương chỉ ra những biến đổi về tâm lý của người dân ven đô trên các mặt: nhu cầu, nhận thức xã hội, giao tiếp xã hội, quan hệ xã hội, chiến lược sống... tại hai xã Yên Mỹ (huyện Thanh Trì); Mỹ Đình (huyện Từ Liêm) và phường Yên Sở (quận Hoàng Mai). Trên cơ sở đó, các tác giả đã đưa ra những kiến nghị về chính sách cho cư dân vùng ven (Phan Thị Mai Hương, 2010).

Hướng tiếp cận Chính trị học nổi bật có tác phẩm *Vấn đề dân cày* của Qua Ninh và Vân Đình được Nhà sách Đức Cường xuất bản (1937). Các tác giả đã vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối của Đảng để nghiên cứu bằng khảo sát thực tế thực trạng nông thôn Việt Nam dưới ách áp

bức của thực dân Pháp và bọn phong kiến; phê phán những nhận thức, quan điểm sai lầm đối với dân cày và vạch rõ vị trí của người dân cày trong cách mạng Việt Nam, chỉ rõ những yêu cầu của dân cày Đông Dương trước Mặt trận nhân dân Pháp. Các tác phẩm của Phan Đại Doãn (1996), Hoàng Chí Bảo (2010) trong thời gian gần đây cũng nhìn nhận vấn đề quản lý xã hội nông thôn từ góc độ Chính trị học.

Hướng Dân tộc học - Pháp luật, nổi bật là học giả Hàn Quốc In Sun Yo với tác phẩm *Luật và xã hội Việt Nam*, nhìn nhận mối quan hệ của người nông dân với các vấn đề về gia đình, dòng họ, liên quan đến thừa kế, nghĩa vụ và quyền lợi của các thành viên; quan hệ giữa làng với Nhà nước, giữa lệ làng với pháp luật... trước Cách mạng Tháng Tám 1945. Các nghiên cứu về hương ước làng Việt của nhiều tác giả cũng xuất phát từ góc độ này (Bùi Xuân Đính, 1998; Vũ Duy Mền, 2010).

1.5. Tiếp cận Dân tộc học/Nhân học

Sự phân biệt giữa Dân tộc học và Nhân học trong nghiên cứu làng Việt ở đây chỉ có tính chất tương đối, bởi trong Dân tộc học thường chứa đựng các yếu tố của Nhân học; ngược lại, nghiên cứu Nhân học thường kế thừa các phương pháp, các kết quả nghiên cứu của Dân tộc học. Dưới đây, chúng tôi điểm một số tác phẩm tiêu biểu nhất cho hai hướng tiếp cận này.

Đi đầu trong nghiên cứu Dân tộc học về làng Việt là các học giả người Pháp với các tác phẩm của Ory (1907), Dumoutier (1907), chủ yếu xem xét tổ chức xã hội và phong tục của người Việt ở nông thôn.

Người Việt Nam đầu tiên có công lớn trong nghiên cứu làng Việt dưới góc độ Dân tộc học là Tiến sĩ Nguyễn Văn Huyền. Bằng các tư liệu thư tịch, số liệu thống kê, báo cáo, các tư liệu khảo sát thực địa, các công trình của ông đề cập đến các khía cạnh của làng xã - cơ sở của văn minh Việt Nam (các ngành kinh tế, các loại hình nhà ở và thực trạng nhà ở, ăn uống, hôn nhân và gia đình, cơ cấu tổ chức và quản lý làng, chế độ “đăng cấp”, thờ cúng, các lễ tiết trong năm, các tập quán...). Bên cạnh đó, ông còn khảo tả một số lĩnh vực ở một số làng quê cụ thể, điển hình, như việc thờ Lý Phục Man, chế độ đăng cấp ở làng Yên Sở, mối quan hệ của cư dân làng chài với cư dân trên bờ, hội Dóng...¹ Các bài viết của ông có thể được coi là những mẫu để những người mới bước vào nghề tham khảo trong khảo cứu các khía cạnh của làng xã dưới góc độ Dân tộc học. Trong khoảng vài chục năm trở lại đây, các cuốn sách *Tìm hiểu cảnh quan đồng bằng* [Trần Từ (Chủ biên), 1984], *Mông Phụ - một làng Việt ở châu thổ Sông Hồng* (Nguyễn Tùng và các cộng sự, 1999), *Về một số làng buôn ở Bắc Bộ* (Nguyễn Quang Ngọc, 1994), *Làng Công giáo Lưu Phương* (Nguyễn Hồng Dương, 1996), *Bát Tràng - làng nghề, làng văn* [Bùi Xuân Đính (Chủ biên), 2013b]... là những ví dụ về tiếp cận Dân tộc học khi nghiên cứu về làng Việt.

Các nhà khoa học Việt Nam nghiên cứu về làng xã cổ truyền dưới góc độ Nhân học có thể kể đến là Nguyễn Văn Vĩnh, dù rằng ông là một nhà báo. Cuốn sách *Lời người Man di hiện đại* (Phong tục và thiết

¹ Các bài viết này được tập hợp lại trong Nguyễn Văn Huyền (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

chế của người An Nam) là tập hợp các bài viết với chủ đề “Làng với người An Nam” đề cập đến các phương thức mưu sinh; thiết chế của làng (thôn, xóm, giáp, kỳ mục, hương hội, phường hội...); quan hệ của người nông dân trong làng về các phương diện tâm linh, bảo vệ an ninh, giải quyết các công việc hành chính, thuế khóa, ruộng đất, quan hệ kinh tế - tài chính, huyết thống, xóm giềng, ngôi thứ, lệ tục, những đặc điểm về thói quen, tính cách, cư xử...; từ đó, đưa ra những so sánh về thói quen, tính cách giữa người Việt với người châu Âu.

Ngô Tất Tố là nhà văn, nhưng hai tác phẩm *Việc làng* và *Tập án cái đình* của ông đậm chất Dân tộc học/ Nhân học, đã mô tả khá sâu sắc và sinh động mối quan hệ của người nông dân làng xã vùng Kinh Bắc trong việc giải quyết các công việc sửa lễ thờ thần, tổ chức tang lễ, đặt hậu, mua ngôi thứ (Ngô Tất Tố, 1977)...

Từ đầu những năm 80 trở đi, có nhiều công trình nghiên cứu làng Việt từ góc tiếp cận Dân tộc học/Nhân học, tiêu biểu nhất là cuốn *Cơ cấu tổ chức của làng Việt ở Bắc Bộ* của Trần Từ. Tác giả nhìn làng Việt từ ba thông số cơ bản: một chế độ ruộng đất công - tư hỗn hợp, một xã hội tiểu nông và một xã hội phân hóa không triệt để; lấy người nông dân làm trọng tâm để thấy được các hình thức tập hợp người theo các mối quan hệ láng giềng, huyết thống, lớp tuổi, vị thứ xã hội và các quan hệ tương trợ, sở thích. Lần đầu tiên trong nghiên cứu làng Việt, các thiết chế tổ chức của làng được “tháo” ra thành từng bộ phận để xem xét cơ cấu tổ chức và vận hành của từng thiết chế cũng như của

tổng thể cơ cấu tổ chức làng xã, mối quan hệ giữa làng với Nhà nước. Sự vận hành đó rất uyển chuyển, nhịp nhàng nhờ vai trò năng động của thiết chế giáp và nhờ “cơ sở pháp lý” là hương ước. Về sau, Bùi Xuân Đính - người được Trần Từ truyền dạy trong nghiên cứu làng Việt, với những khảo sát thực địa tại nhiều làng đã bổ sung những luận điểm của Trần Từ, làm sáng tỏ những giả thiết làm việc hoặc nghi vấn của ông, nhưng chưa có tư liệu để chứng minh. Đó là, một số làng không có giáp, lấy xóm hoặc cụm xóm làm đơn vị tổ chức các công việc của cộng đồng; thiết chế lớp tuổi của giáp được “đưa” vào đơn vị xóm, để xóm đảm đương được các công việc của giáp; từ các giáp trong một làng gốc chuyển thành các làng mới... Cũng đi theo hướng Dân tộc học/Nhân học, song Bùi Xuân Đính tiếp cận đa chiều và đa ngành, liên ngành, khai thác tối đa các nguồn tư liệu để nhìn làng Việt một cách toàn diện hơn, từ các góc độ Dân tộc học, Nhân học, Sử học, Chính trị học... (Bùi Xuân Đính, 2008; 2013a)...

Chương trình đồng bằng sông Hồng (1992 - 1997) do Viện Hàn lâm Khoa học nông nghiệp Pháp phối hợp với một số cơ quan nghiên cứu và chỉ đạo thực tiễn của Việt Nam tiếp cận hệ thống và đa ngành các hệ thống nông nghiệp ở lưu vực sông Hồng. Trong các kết quả nghiên cứu của chương trình có cuốn sách *Thủy lợi và quan hệ làng xã* của Mai Văn Hai và Bùi Xuân Đính (1997) nhìn vấn đề thủy lợi dưới góc độ Dân tộc học/Nhân học, chỉ ra các mối quan hệ của người nông dân trong việc bảo đảm

nguồn nước tưới tiêu cho cây lúa qua các giai đoạn lịch sử.

2. Các hướng và nội dung nghiên cứu lớn, thành tựu và hạn chế

2.1. Các hướng và nội dung nghiên cứu

Điểm lại các công trình đã công bố, có thể thấy hai hướng và các nội dung nghiên cứu lớn sau:

2.1.1. Nghiên cứu làng truyền thống (hay làng cổ truyền)

Khái niệm “làng truyền thống” hay “làng cổ truyền” về phương diện thời gian là làng tồn tại trước thời điểm tháng 8 năm 1945, khi làng Việt chưa chịu tác động của các chính sách cải cách về chính trị, kinh tế, văn hóa của chính quyền dân chủ nhân dân; các mặt đời sống của làng vẫn được bảo lưu gần như nguyên vẹn các đặc điểm của một xã hội phong kiến được định hình trong thời nhà Nguyễn, tồn tại trong chế độ thuộc địa (Trần Từ, 1984, tr. 228). Đây là “lợi thế” của các nhà Sử học và Dân tộc học; vì thế, phần lớn các công trình đã công bố liên quan đến cách tiếp cận, hướng nghiên cứu và nội dung nghiên cứu này. Đó là các cuốn giới thiệu chung về làng (Nguyễn Hồng Phong, 1959; Viện Sử học 1977- 1978; Phan Đại Doãn, 2001; Nguyễn Quang Ngọc, 2007...), hay từng mặt của làng, như cơ cấu tổ chức (Trần Từ, 1984), hương ước (Bùi Xuân Đính, 1985; 1998; Vũ Duy Mền, 2010); giới thiệu từng làng riêng biệt (Nguyễn Hải Kế, 1996; Nguyễn Tùng và các cộng sự, 2003; Diệp Đình Hoa 1999; 2006; Bùi Xuân Đính, 2013b), hoặc nhiều làng hay cụm làng (Bùi Xuân Đính, 2008; 2013a).

Nghiên cứu về các loại hình làng được nhiều tác giả quan tâm. Bên cạnh số đông khảo tả về làng nghề thủ công (Tạ Long và các cộng sự, 2006; Bùi Xuân Đính, 2009; 2013; Nguyễn Lan Hương, 2011) v.v..., còn có các tác giả đề cập đến làng buôn bán (Nguyễn Quang Ngọc, 1994), làng khoa bảng [Bùi Xuân Đính (Chủ biên), 2010], làng Công giáo (Nguyễn Hồng Dương, 1996), làng Hòa Hảo (Phạm Bích Hợp, 1999), làng chài (Nguyễn Duy Thiệu, 2001)...

2.1.2. Nghiên cứu về biến đổi của làng quê

Đây là một trong những hướng và nội dung đã ít nhiều được đề cập đến trong các công trình nghiên cứu điểm ở trên, song chỉ là phần “phụ vào” để có thêm tính logic. Chỉ trong những năm gần đây, vấn đề biến đổi của làng Việt mới được chú trọng nghiên cứu. Điểm chung của các công trình theo hướng này là nghiên cứu tại các làng cụ thể, như làng Mông Phụ của nhóm tác giả Nguyễn Tùng (1999), La Tinh (làng Tơ) của John Kleinen (2007), Giang Xá của Lương Hồng Quang (2010); hoặc của một cụm làng, như các làng thuộc xã Thịnh Liệt (Shaun Kingsley Malarney, 2002), cụm làng ven đô Hà Nội (Ngô Văn Giá, 2007), hay một cụm ba làng nghề ở huyện Từ Sơn (Nguyễn Thị Phương Châm, 2009); hoặc rộng hơn là các làng ngoại thành Hà Nội (Trần Đức Ngôn, 2005)...

Các công trình trên đây đã phản ánh những biến đổi về xã hội (các tổ chức phi quan phương, gia đình, họ tộc...) và văn hóa (nhất là của các nghi lễ thờ cúng tổ tiên, đám ma, đám cưới, hội làng, hội chùa, các sinh hoạt của cộng đồng Thiên Chúa giáo...) của các làng (hay cụm làng) được khảo sát

qua những dấu mốc của giai đoạn lịch sử từ năm 1954 đến những năm đầu của thế kỷ XXI; khẳng định vai trò quan trọng của văn hóa truyền thống trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở các làng quê, đặc biệt là trong thời kỳ kinh tế thị trường. Các tác giả cũng lý giải những hệ thống giá trị, chuẩn mực và khuôn mẫu văn hóa truyền thống trong cuộc sống đương đại và cho rằng, *sự trở lại của những truyền thống, nghi lễ của cư dân các làng là một phương cách phản ứng lại những tác động tiêu cực của quá trình hiện đại hóa và kinh tế thị trường*, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm bảo tồn văn hóa truyền thống trong bối cảnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Vấn đề biến đổi của các làng quê đang chịu tác động trực diện của quá trình đô thị hóa, tức các làng quê được đô thị hóa theo phương thức chuyển xã thành phường được quan tâm nghiên cứu trong những năm gần đây. Nổi bật là công trình *Báo cáo tổng hợp đề tài “Nghiên cứu, điều tra quá trình đô thị hóa từ làng - xã thành phường của Hà Nội, những tồn tại và các giải pháp khắc phục”* do UBND thành phố Hà Nội, Sở Khoa học công nghệ và môi trường Hà Nội (2001) phối hợp với Viện Xã hội học, điều tra tại 15 phường ven đô mới được thành lập; Luận văn thạc sĩ *Từ làng đến phố: đô thị hóa và quá trình chuyển đổi lối sống ở một làng ven đô Hà Nội (trường hợp phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội)* của Bùi Thị Kim Phương (2010); cuốn *Tác động của đô thị hóa - công nghiệp hóa tới phát triển kinh tế và biến đổi văn hóa - xã hội ở tỉnh Vĩnh Phúc* do Nguyễn Ngọc Thanh, Nguyễn Thế Trường chủ biên (2009); đặc biệt, cuốn *Biến đổi xã*

hội và văn hóa ở các làng quê trong quá trình đô thị hóa tại Hà Nội vốn là luận án tiến sĩ của Trần Thị Hồng Yến, nghiên cứu tại các làng quê của ba xã: Trung Hòa, Nhật Tân và Thanh Trì được chuyển thành phường bằng quyết định hành chính. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, bên cạnh những mặt tích cực (như có đất để xây dựng các khu công nghiệp, các khu đô thị mới, trụ sở các cơ quan; cải tạo cơ sở hạ tầng, thay đổi vị thế của người nông dân và các làng quê...), việc chuyển các xã thành phường bộc lộ nhiều mặt bất cập (nông dân chuyển đổi nghề rất khó khăn, tranh chấp đất đai, tệ nạn xã hội... gia tăng, các giá trị văn hóa truyền thống bị xâm hại, lối sống đô thị chậm hình thành, khả năng chuyển đổi và hòa nhập của làng xã vào đô thị rất khó khăn và không đồng đều, dẫn đến “làng không còn làng, phố chẳng ra phố”) (Trần Thị Hồng Yến, 2013).

2.2. Các kết quả nghiên cứu và “những vấn đề còn bỏ ngỏ”

Nhìn chung, đến nay, việc nghiên cứu làng Việt đã đạt được những thành tựu to lớn, thể hiện không chỉ ở số lượng các công trình được công bố khá đa dạng về thể loại, nội dung nghiên cứu đa chiều, hướng tiếp cận cũng như các phương pháp nghiên cứu khá phong phú. Có thể điểm ra một số luận điểm chính đã được khẳng định:

- Làng là đơn vị dân cư, xã hội (không phải là đơn vị hành chính). Philippe Papin dẫn tiêu chí của các học giả thế giới để định ra bốn đặc trưng của làng: là đơn vị xã hội trọn vẹn, tế bào cơ bản để tổ chức xã hội, một cơ cấu tập thể hoàn hảo, tư cách của cộng đồng

thay thế cho tư cách cá nhân; là cơ chế khép kín, nên cả nước là một “liên bang làng”; cư dân phân chia theo cấp bậc và làng tự tái tạo cuộc sống cộng đồng, là cội nguồn của văn minh Việt Nam (P. Papin, 1999, tr. 20-21).

- Làng có kết cấu kinh tế - xã hội chặt. Dựa trên cơ sở kinh tế chính là nông nghiệp ruộng nước, mỗi làng có một cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh và chặt chẽ, gồm các thiết chế tập hợp người, trong đó giáp là thiết chế chính để tổ chức các công việc của cộng đồng, dựa vào các quy định của hương ước.

- Làng đa dạng về loại hình, theo vùng miền (Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ), theo môi trường cảnh quan (làng trung du, làng đồng bằng, làng ven biển, làng đảo); theo thời gian hình thành (từ thời dựng nước qua các vương triều khác nhau); theo cơ sở kinh tế (làng nông nghiệp đồng chiêm và đồng mùa, làng nghề, làng buôn bán, làng đánh cá...); theo các đặc điểm văn hóa, xã hội, tôn giáo (làng khoa bảng, làng Công giáo, làng Hòa hảo...). Trên cơ sở “mẫu chung”, các yếu tố kinh tế - xã hội, văn hóa được thể hiện khác nhau ở từng loại hình làng.

- Làng có tính cộng đồng, tính độc lập và tính tự trị, tự quản cao. Cấu trúc tự trị, tự quản được chính quyền phong kiến và thực dân Pháp sau này coi là công cụ cai trị thích hợp. Mặt khác, làng luôn chịu tác động của các chính sách nhà nước. Tính “nhị nguyên” của kết cấu tự quản - hành chính của làng với những ưu điểm, hạn chế trong quản lý đã được chỉ ra khá rõ nét. Bên cạnh đó, làng có tính bảo lưu, bảo thủ rất lớn. Những biến đổi về kinh tế - xã hội trong gần 30 năm qua lại gắn liền với việc phục hồi các thiết chế phi quan phương, hệ thống lễ nghi, tập tục

truyền thống. Đương nhiên, công cuộc đô thị hóa hiện nay đang tấn công quyết liệt vào các giá trị truyền thống.

Tuy đạt được nhiều thành tựu, song việc nghiên cứu làng bộc lộ nhiều hạn chế. Về nội dung, còn nhiều “vấn đề còn bỏ ngỏ” (P. Papin, 1999), mà rõ nhất là nhiều loại hình làng chưa được quan tâm nghiên cứu, như làng ven biển, làng trung du và ngay cả làng nông nghiệp vốn chiếm số lượng lớn nhất, đến nay vẫn chưa có một chuyên khảo chung nào; cũng như thiếu vắng những chuyên khảo riêng về các tiểu loại hình, như làng nông nghiệp đồng chiêm, làng đồng mùa, làng ven sông đất bãi... Trong loại hình làng chia theo cảnh quan địa lý, thiếu vắng các chuyên khảo về làng trung du và nhất là làng ven biển và làng đảo - một vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn to lớn hiện nay. Đây là mảng trống cần được khắc phục trong thời gian tới, bởi ý nghĩa khoa học và thực tiễn của nó, vì tính đa dạng của làng, sự khác biệt vùng miền... luôn tạo ra tính đặc thù địa phương không chỉ về phương diện văn hóa mà cả trong tiếp nhận và thực thi các chính sách của Nhà nước. Các làng miền Trung cũng chưa được chú ý nghiên cứu. Các công trình về văn hóa làng thường tập trung nhiều vào các yếu tố phong tục, tập quán, tín ngưỡng, còn thiếu các chuyên khảo về thích ứng của người nông dân trước các dạng môi trường sống. Nghiên cứu biến đổi của làng xã hiện nay thiếu vắng những chuyên khảo về thích ứng của nông dân trước tình trạng suy giảm đất canh tác và suy giảm vị thế của nông nghiệp, vốn là chất keo kết dính người nông dân và là cơ sở quan trọng để hình thành, duy trì các giá trị văn hóa truyền thống.

Về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, các công trình đều thể hiện tính thiếu đồng bộ hay tính cắt xén. Có thể coi “Chương trình nghiên cứu làng xã đồng bằng sông Hồng” là ví dụ. Đây là chương trình nghiên cứu được triển khai với quy mô lớn, với sự tham gia của nhiều nhà khoa học có tên tuổi, song vẫn bộc lộ sự cắt xén, nghĩa là, mỗi làng được chọn nghiên cứu lại không được đề cập đến đủ các khía cạnh của đời sống; hay mỗi khía cạnh (không gian làng, ruộng đất, kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, gia đình - dòng họ v.v...), chỉ được nghiên cứu ở một làng nhất định, dẫn đến thiếu cứ liệu đồng dạng để so sánh, từ đó, rút ra những kết luận khoa học.

Tính cắt xén của các công trình nghiên cứu còn thể hiện ở góc nhìn tổng thể hay tiếp cận hệ thống chưa rõ nét. Làng là hình ảnh thu nhỏ của xã hội người Việt, là tổng thể của các khía cạnh đời sống: kinh tế, xã hội, văn hóa..., từ quá khứ đến hiện đại, ràng buộc hữu cơ với nhau; nếu không tiếp cận hệ thống thì không thể thu được đầy đủ nguồn tư liệu, không lý giải được căn nguyên của mỗi vấn đề được nghiên cứu. Bên cạnh đó, cần phải có cách tiếp cận đa chiều, nhiều khía cạnh khoa học: Dân tộc học, Sử học, Văn hóa học, Hán Nôm học, Văn hóa dân gian, Chính trị học, Dân tộc học - Pháp luật; trong đó Dân tộc học là xuất phát điểm, là chủ đạo; các hướng khác bổ trợ.

Bên cạnh việc tiếp cận các lý thuyết nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu của các học giả nước ngoài; kế thừa các kết quả đã công bố, các nhà nghiên cứu Dân tộc học/Nhân học về làng Việt cần chú trọng điền dã, coi đó là hướng chủ đạo để thu thập tư liệu, tích lũy kiến thức, hình thành các ý

tưởng khoa học, đối chiếu - so sánh với kết quả nghiên cứu của người đi trước, phát hiện vấn đề, như nhà Dân tộc học Trần Từ đã chỉ ra: “Đi vào nghiên cứu bằng con đường chính là các tư liệu viết đã công bố; đi vào còn bằng điền dã nữa. Đó là con đường phụ. Phụ nhưng không thể bỏ qua. Dân tộc học vốn là môn học cụ thể, lấy thực tiễn hàng ngày làm lẽ sống” [Trần Từ (Chủ biên), 1984, tr. 8]. Các làng Việt có địa bàn gần, tiện lợi trong đi lại, giao tiếp là một lợi thế, ưu thế cho bố trí các chuyến điền dã để thu thập được nhiều nguồn tư liệu - cơ sở quan trọng đầu tiên để đi vào lý giải các vấn đề, bởi “có bột mới gột nên hồ”.

Tài liệu tham khảo

1. Toan Ánh (1968), *Nếp cũ*, Nam Chi tùng thư, Sài Gòn (ba tập).
2. Hoàng Chí Bảo (2010), *Dân chủ và dân chủ ở cơ sở nông thôn trong tiến trình đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Phan Kế Bính (1997), *Việt Nam phong tục*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Thị Phương Châm (2009), *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
5. Phan Đại Doãn (Chủ biên) (1996), *Quản lý xã hội nông thôn nước ta hiện nay - một số vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Phan Đại Doãn (2001), *Làng Việt Nam, một số vấn đề kinh tế, xã hội và văn hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Bùi Quang Dũng, Đặng Thị Việt Phương (2011), *Báo cáo điều tra nông dân 2009 - 2010*, Báo cáo đề tài cấp Bộ, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.

8. Nguyễn Hồng Dương (1999), *Làng Công giáo Lưu Phương*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Bùi Xuân Đính (1985), *Lệ làng phép nước*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
10. Bùi Xuân Đính (1998), *Hương ước và quản lý làng xã*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Bùi Xuân Đính (2008), *Hành trình về làng Việt cổ*, Tập 1 (*Các làng quê Xứ Đoài*), Nxb Từ điển Bách khoa, Viện Văn hóa, Hà Nội.
12. Bùi Xuân Đính (Chủ biên) (2009), *Làng nghề thủ công huyện Thanh Oai, truyền thống và biến đổi*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Bùi Xuân Đính (Chủ biên) (2013a), *Hành trình về làng Việt cổ*, Tập 2 (*Các làng quê Xứ Nam*), Nxb Văn hóa thông tin, Viện Văn hóa, Hà Nội.
14. Bùi Xuân Đính (Chủ biên) (2013b), *Bát Tràng - làng nghề, làng văn*, Nxb Hà Nội.
15. Bùi Xuân Đính, Nguyễn Viết Chức (Đồng chủ biên) (2010), *Các làng khoa bảng Thăng Long - Hà Nội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. G. Dumoutier (1907), *Essai sur les Tonkinois: la commune (Nghiên cứu về xứ Bắc Kỳ: làng xã)*, Revue Indochine.
17. Trần Văn Giá (Chủ biên) (2007), *Những biến đổi về giá trị văn hóa truyền thống ở các làng ven đô Hà Nội trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Mai Văn Hai, Bùi Xuân Đính (1997), *Thủy lợi và quan hệ làng xã*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Diệp Đình Hoa (Chủ biên) (1991), *Tìm hiểu làng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
20. Diệp Đình Hoa (1995), *Làng Bến Gổ*, Nxb Đồng Nai.
21. Diệp Đình Hoa (1998), *Làng Bến Cá - xưa và nay*, Nxb Đồng Nai.
22. Diệp Đình Hoa (2004), *Làng Cây Dừa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
23. Phạm Bích Hợp (1999), *Làng Hòa Hảo xưa và nay*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
24. Tô Duy Hợp (2000), *Sự biến đổi của làng xã Việt Nam ngày nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
25. Nguyễn Văn Huyền (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
26. Houtart F và Lemerrier J (2011), *Xã hội học về một xã ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
27. Nguyễn Lan Hương (2011), *Làng nghề Sơn quang Cát Đằng*, Nxb Văn hóa thông tin, Viện Văn hóa, Hà Nội.
28. Phan Thị Mai Hương (Chủ biên) (2010), *Những biến đổi về tâm lý của cư dân vùng ven đô trong quá trình đô thị hóa*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
29. Lương Văn Hy (1992), *Revolution in the village, tradition and transformation in North Việt Nam*, University of Hawaii Press.
30. Nguyễn Hải Kế (1996), *Một làng Việt cổ truyền ở đồng bằng Bắc Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
31. Nhất Thanh Vũ Văn Khiếu (2011), *Đất lề quê thói*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

32. Khoa Lịch sử (2006), *Làng Việt Nam, đa nguyên và chặt*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
33. Tạ Long (Chủ biên) (2006), *Sự phát triển của làng nghề La Phù*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
34. Malarney Shaun Kingsley (2002), *Culture, Ritual, and revolution in Vietnam* (Văn hóa, nghi lễ và cuộc cách mạng ở Việt Nam), University of Hawaii Press, Honolulu.
35. Vũ Duy Mền (2006), *Tìm lại làng Việt xưa*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
36. Vũ Duy Mền (2010), *Hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc Bộ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Qua Ninh, Vân Đình (1959), *Vấn đề dân cày*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
38. Trần Đức Ngôn (2005), *Văn hóa truyền thống ngoại thành Hà Nội dưới tác động của kinh tế thị trường*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
39. P. Ory (1894), *La commune annamite au Tonkin (Xã An Nam ở Bắc Kỳ)*, Paris Augustin Challanel.
40. Bùi Thị Kim Phương (2010), *Từ làng đến phố: đô thị hóa và quá trình chuyển đổi lối sống ở một làng ven đô Hà Nội (trường hợp phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội)*, Luận văn thạc sĩ, Trung tâm Thông tin - Thư viện Đại học quốc gia Hà Nội, ký hiệu VL. 2/ 01941.
41. Philippe Papin, Olivier Tesssier (1999), *Làng ở vùng châu thổ sông Hồng - vấn đề còn bỏ ngỏ*, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Hà Nội.
42. P. Pasquier (1907), *Annam d'austrefois (Xứ An Nam xưa)*, Paris, Challanel.
43. Lương Hồng Quang (Chủ biên) (2011), *Câu chuyện làng Giang*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Ngô Tất Tố (1977), “Việc làng” và “Tập án cái đình”, trong: *Tác phẩm*, Tập II, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
45. Trần Từ (2003), “Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ”, trong: *Góp phần nghiên cứu văn hóa & tộc người*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
46. Nguyễn Ngọc Thanh, Nguyễn Thế Trường (2009), *Tác động của đô thị hóa - công nghiệp hóa tới phát triển kinh tế và biến đổi văn hóa - xã hội ở tỉnh Vĩnh Phúc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
47. Nguyễn Duy Thiệu (2001), *Cộng đồng ngư dân ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
48. Viện Sử học (1977), *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử*, Tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
49. Viện Sử học (1978), *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử*, Tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
50. Viện Sử học (1990), *Nông thôn và nông dân Việt Nam thời cận đại*, Tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
51. Viện Sử học (1991), *Nông thôn và nông dân Việt Nam thời cận đại*, Tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
52. Nguyễn Văn Vĩnh (2013), *Lời người Man di hiện đại (Phong tục và thiết chế của người An Nam)*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
53. Trần Thị Hồng Yến (2013), *Biến đổi về xã hội và văn hóa ở các làng quê trong quá trình đô thị hóa tại Hà Nội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.